

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 115/2019/DS-PT

Ngày 22 - 07-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng- Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2019/TLPT-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐ - PT ngày 10/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Q; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái T; địa chỉ: Số 100 đường Nguyễn Tất T1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Minh H2; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Xuân Anh P; địa chỉ: Số 159 đường Lê Thánh T2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

+ Ông Cao Thế L - Luật sư thuộc công ty Luật TNHH KK.

Địa chỉ: Số 48 lô 10, B1, khóm 2, phường 7, thành phố B2, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

+ Bà Lê Thị Minh N - Văn phòng Luật sư Lê Thị Minh N – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Mạnh T4; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Anh P; địa chỉ: Số 159 đường Lê Thánh T2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị H1; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Bà Lê Thị Minh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung đề 06/3/2017, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 23/3/2017 và đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện đề ngày 06/8/2018, quá trình giải quyết vụ án - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái T trình bày:

Trong năm 2008, 2009 và năm 2010 bà Lê Thị Minh H2 (tên gọi khác Lê Thị H2) nhiều lần vay tài sản của bà Hoàng Thị Q bao gồm tiền, vàng, cả phê mục đích là để kinh doanh, lo chi phí sinh hoạt trong gia đình và nuôi con ăn học. Khi giao nhận tài sản hai bên đều lập thành văn bản. Riêng khoản vay năm 2010 do tin tưởng nhau nên khi giao tài sản cho bà H2, bà Q ghi vào sổ nhưng không yêu cầu bà H2 ký xác nhận nợ.

Sau đó bà H2 chỉ trả một phần số nợ đã vay cho bà Q nên năm 2016 bà Q có làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà H2 cùng chồng là ông Hoàng Mạnh T4 phải liên đới trả số nợ còn lại cho bà Q. Cụ thể ngày 10/8/2016 bà Q nộp đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 cùng ông T4 phải trả cho bà Q số tài sản đã vay trong năm 2009 và năm 2010 là 03 tấn cà phê nhân xô; 23 cây 02 chỉ vàng và số tiền 1.412.500.000 đồng, sau đó bà H2 có trả cho bà Q được 840.000.000 đồng (thông qua chuyển nhượng đất) và 87 chỉ vàng 99,99% nên bà Q đã làm đơn yêu cầu bà H2 cùng chồng trả số tài sản còn lại là 03 tấn cà phê nhân xô; 23 cây 05 chỉ vàng và số tiền 572.500.000 đồng, tuy nhiên bà Q có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 cùng chồng phải trả tiền lãi suất phát sinh là 1.685.800.000 đồng cho bà Q. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/3/2017 bà Q tiếp tục có đơn khởi kiện bổ sung số tài sản mà bà H2 vay năm 2008, cụ thể là: Số tiền 390.000.000 đồng; 03 tấn cà phê nhân xô và 09 cây 02 chỉ vàng, tương đương số tiền 867.204.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm, nên ngày 23/3/2017 bà Q đã có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 cùng chồng là ông T4 phải có nghĩa vụ trả số nợ đã vay trong năm 2008, 2009 số tiền 1.080.000.000 đồng; 37 cây 04 chỉ vàng và 06 tấn cà phê nhân xô (chưa khấu trừ 840.000.000 đồng và 87 chỉ vàng 99,99%). Đối với số nợ vay năm 2010 thì bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử và buộc bà H2 cùng ông T4 phải trả cho bà Q 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng và số tiền 240.000.000 đồng. Do bà H2, ông T4 có đơn khiếu nại nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm và giao lại cho

Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại từ đầu và đến nay bà H2, ông T4 cũng không trả số tài sản còn lại cho bà Q do đó bà Q đã làm đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện, cụ thể bà Q chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 cùng ông T4 phải có nghĩa vụ trả số tài sản đã vay của năm 2008 và năm 2009 sau khi đã khấu trừ số tài sản mà bà H2 đã trả trong năm 2009 và năm 2012 là 87 chỉ vàng 99,99% và số tiền 840.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng (Trong đó: vàng SJC là: 07 cây; vàng 99,99% là 21 cây 7 chỉ) và số tiền 240.000.000 đồng. Bà Q yêu cầu bà H2 cùng ông T4 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vàng và cà phê trên, bà Q không yêu cầu Tòa án tính lãi suất.

Đối với số nợ vay năm 2010 là 722.500.000 đồng và 04 cây vàng SJC, do khi vay không lập văn bản nên bà Q không khởi kiện trong vụ án này, nếu sau này có yêu cầu bà Q sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Bị đơn bà Lê Thị Minh H2 - Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân Anh P, trình bày:

Ông xác nhận trong năm 2008 bà Lê Thị Minh H2 có vay tài sản của bà Hoàng Thị Q, cụ thể: Tiền mặt 390.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự nguyện thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng; 03 tấn cà phê nhân xô (không tính lãi) và 28 cây 02 chỉ vàng (không tính lãi). Khi vay tài sản, hai bên đều tiến hành lập văn bản, bà H2 viết giấy vay và ký xác nhận nợ (trong cuốn sổ màu xanh do bà Q giữ). Mục đích vay tài sản của bà Q là để bà H2 kinh doanh, cho người khác vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch và để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của cá nhân bà H2. Đến cuối năm 2008, đầu năm 2009 bà Q yêu cầu bà H2 tính toán lại số nợ để bà Q ghi sang sổ mới (sang sổ nợ) và bà Q cam kết sẽ không tính lãi, sau đó sẽ hủy bỏ giấy nợ của năm 2008 nên ngày 01/01/2009 sau khi đối chiếu nợ và sang sổ nợ thì bà H2 còn nợ bà Q số tiền mặt là 390.000.000 đồng; 03 tấn cà phê nhân xô và 28 cây 02 chỉ vàng (trong đó 03 cây vàng SJC, 25 cây 02 chỉ vàng 99,99%). **Tuy nhiên do tin tưởng nên bà H2 đã không yêu cầu bà Q xé hủy giấy vay tài sản của năm 2008.**

Ngoài số nợ vay năm 2008 đã sang sổ thành số nợ năm 2009 thì bà H2 không vay bất cứ tài sản nào khác của bà Q. Sau đó trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 6/2012 bà H2 đã trả cho bà Q 87 chỉ vàng 99,99% và 840.000.000 đồng thông qua việc khấu trừ đất. **Sau đó đến năm 2013 bà H2 có trả tiếp cho bà Q 380.000.000 đồng thông qua anh Nguyễn Văn H.** Như vậy, bà H2 còn nợ bà Q 03 tấn cà phê nhân xô và 195 chỉ vàng, nhưng bà H2 đã trả tiền mặt cho bà Q dư ra 830.000.000 đồng. Số tiền này bà H2 tính tương đương 03 tấn cà phê nhân xô + 195 chỉ vàng 99,99%. Do đó, hiện bà H2 không còn nợ bà Q số tài sản nào.

Nay bà Q khởi kiện ra Tòa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 và ông T4 phải trả số nợ 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng và 240.000.000 đồng vì bà Q cộng số tiền của năm 2008 và năm 2009. Ông là người đại diện cho bà H2 và ông T4 không đồng ý vì bà H2 chỉ vay số tiền 390.000.000 đồng; 03 tấn cà phê nhân xô và 28 cây 02 chỉ vàng (trong đó 03 cây vàng SJC, 25 cây 02 chỉ vàng 99,99%) trong năm 2008 và bà H2 đã trả hết số nợ vay của năm 2008 cho bà Q, hiện nay không còn nợ bà Q khoản nợ nào.

Đối với số nợ 300.000.000 đồng theo chứng từ vay ngày 16/9/2009 thì ông xác nhận chữ viết trong giấy vay tiền là của bà H2 nhưng vì bà H2 hỏi vay giúp Bà Lê Thị H1, sau khi viết giấy vay tiền xong thì bà Q tính lãi xuất cao nên bà Hoa không đồng ý vay, do đó bà H2 không nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà Q nên không ký tên “Hường” vào mục người vay.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Mạnh T4 - Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân Anh P, trình bày:

Ông Hoàng Mạnh T4 là chồng của bà Lê Thị Minh H2. Đối với số nợ bà H2 vay của bà Q thì vay bao nhiêu, vay thời gian nào và vay để sử dụng vào mục đích gì thì ông T4 hoàn toàn không biết. Đến năm 2012 khi bà Q xuống nhà đòi nợ thì ông mới biết là bà H2 vay tiền, vàng và cà phê của bà Q nhưng chưa thanh toán hết. Do cả nể là thông gia với nhau nên ông T4 đã đồng ý cùng bà H2 chuyển nhượng lô đất diện tích 720 m2 tại tổ dân phố 3, thị trấn K trị giá 840.000.000 đồng cho bà Q để khấu trừ nợ. Hiện nay thủ tục sang nhượng cũng đã hoàn tất, do đó ông T4 cũng không có ý kiến gì đối với lô đất này. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu bà H2 và ông T4 cùng có trách nhiệm trả số nợ 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ và 240.000.000 đồng thì ông T4 không đồng ý cùng bà H2 trả số nợ trên cho bà Q.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

+ Anh Nguyễn Văn H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày:

Anh có mối quan hệ với bà H2 là con rể, là cháu gọi bà Q bằng dì. Việc vay tiền giữa bà Q và bà H2 thì anh hoàn toàn không biết. Tuy nhiên năm 2013 (anh không nhớ chính xác ngày tháng) bà H2 có giao cho anh số tiền 300.000.000 đồng để nhờ anh giao cho bà Q, sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà H2, anh đã giao lại cho bà Q số tiền 300.000.000 đồng. Việc nhận tiền của bà H2 và giao lại tiền cho bà Q không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu bà H2 phải trả cho bà Q số tài sản 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng và 240.000.000 đồng thì quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Người làm chứng Bà Lê Thị H1 tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoa trình bày:

Tháng 6/2009 bà kinh doanh thu mua nông sản tại xã Ea Tân cần vốn làm ăn nên có nhờ bà Lê Thị Minh H2 vay giúp số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất khoảng 3 - 4%/tháng, nhưng bà H2 vay tiền của ai và lãi suất như thế nào để cho bà vay lại thì bà hoàn toàn không biết. Sau đó do bà H2 lấy lãi 5%/tháng nên bà không đồng ý vay. Còn việc bà H2 có vay số tiền 300.000.000 đồng đó hay không thì bà hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Cao Thế L không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX xem xét tất cả các chứng từ vay mượn và chấp nhận ý kiến của bị đơn và người đại diện để xác định hiện bị đơn không còn nợ nguyên đơn bất cứ tài sản nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q.

Buộc bà Lê Thị Minh H2 (Lê Thị H2) phải trả cho bà Hoàng Thị Q số tiền 240.000.000 đồng; 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng (trong đó: 03 cây vàng SJC; 25 cây 7 chỉ vàng 99,99%).

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Đình chỉ phần phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q đối với số tiền 840.000.000 đồng và 87 chỉ vàng 99,99%.

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để đảm bảo công tác thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Minh H2 phải nộp 56.244.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Hoàng Thị Q số tiền 28.585.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0002783 ngày 09/8/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị Minh H2 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lê Thị Minh H2, ông Cao Thế L và bà Lê Thị Minh N, trình bày:

Đối với số tiền bà H2 vay của bà Q năm 2008 đã chuyển sang từ ngày 01/01/2009, trong hồ sơ không có chứng từ ngày 16/9/2009 nợ 300.000.000 đồng như bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K nhận định. Việc bà H2 có nhờ anh Nguyễn Văn H chuyển cho bà Q số tiền 380.000.000 đồng, bà Q không thừa nhận, nhưng anh H là cháu ruột bà Q. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm nên chấp nhận số tiền mà bà H2 nhờ anh H chuyển trả nợ cho bà Q thay bà H2. Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là ông Nguyễn Văn Đ là người đang quản lý sửa chữa sử dụng ngôi nhà của ông T4, bà H2 đang bị áp dụng kê biên. Khi bà Q khởi kiện, khởi kiện bổ sung, đối với số nợ không thống nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ như vậy là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DSST của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại theo sơ thẩm từ đầu.

****Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Việc bà H2 kháng cáo yêu cầu xem xét số nợ 390.000.000 đồng; 3.000 kg cà phê nhân xô (03 tấn); 25,2 cây vàng 9999 và 3 cây vàng SJC là số nợ chuyển từ năm 2008 sang năm 2009 là không có căn cứ. Bởi vì ngày 01/01/2009, bà H2 có ghi “H2 vay Q”, “H2 lấy Q”. Đối với số nợ 380.000.000 đồng bà H2 đưa cho anh H, anh H đưa cho bà Q trả nợ thay cho bà H2, quá trình giải quyết vụ án bà H2 không cung cấp được chứng cứ nào về việc anh H đưa tiền cho bà Q. Ngày 19/6/2009 bà H2 vay bà Q Số tiền 300.000.000 đồng, đây là chữ viết của bà H2 ghi vào sổ nợ bà Q. Tuy không ký, nếu bà H2 không lấy tiền thì phải gạch bỏ nhưng không được gạch bỏ, như vậy thể hiện việc bà H2 có nợ bà Q. Do đó kháng cáo của bà H2 không được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền cho bà Q không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Minh H2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn: Bà Lê Thị Minh H2 được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Minh H2:

[2.1] Về hình thức các hợp đồng vay tài sản: Trong năm 2008 và năm 2009 nguyên đơn và bị đơn đã ký kết với nhau nhiều hợp đồng vay tài sản, Tổng số tài sản bà H2 đã vay của bà Q là: 1.080.000.000 đồng; vàng 37 cây 04 chỉ vàng; 06 tấn cà phê nhân xô. Trong các hợp đồng vay không thể hiện thời gian trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận khi nào bà Q cần, bà H2 sẽ trả đủ. Như vậy, căn cứ vào Điều 119 Bộ luật dân sự, hai bên đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về hình thức hợp đồng.

[2.2] Chủ thể giao kết hợp đồng là bà Hoàng Thị Q và bà Lê Thị Minh H2 đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để giao kết hợp đồng; Khi ký kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Khi ký kết hợp đồng vay tài sản, giữa các bên có thỏa thuận với nhau thời gian bà H2 phải trả tài sản cho bà Q. Từ khi vay tài sản, bà H2 đã trả cho bà Q được 08 cây 07 chỉ vàng (87 chỉ) vàng 99,99 % và 840.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng và 240.000.000 đồng đến nay mặc dù bà Q mặc dù đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả số vàng, cà phê, số tiền gốc đã vay cho

bà Q. Như vậy, bà H2 đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đối với bà Q theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Bà Q khởi kiện yêu cầu bà H2 trả nợ là có cơ sở.

[2.3] Đối với lời khai của đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Minh H2: Ông Lê Xuân Anh P trình bày: Năm 2008 bà H2 có vay 25 cây 02 chỉ vàng 99,99%, 03 cây vàng SJC; 03 tấn cà phê nhân xô và số tiền 390.000.000 đồng của bà Q. Ngoài số nợ này ra, bà H2 hoàn toàn không vay tài sản bất cứ tài sản nào, do đó số nợ của năm 2009 chính là số nợ của năm 2008 do bà Q chuyển sổ. Đối với số nợ 300.000.000 đồng ngày 19/6/2009 thì ông Phú xác nhận chữ viết trong giấy nợ là chữ viết của bà H2 nhưng bà H2 chưa nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà Q, nên bà H2 không ký tên. Sau đó khoảng thời gian từ tháng 08/2009 đến tháng 06/2012 bà H2 đã trả cho bà Q 87 chỉ vàng 99,99%; 840.000.000 đồng thông qua việc khấu trừ đất, dư lại của bà H2 450.000.000 đồng tiền mặt. Đến năm 2013 bà H2 có giao cho con rể (Nguyễn Văn H) số tiền 380.000.000 đồng để nhờ anh H giao lại cho bà Q. Như vậy mặc dù bà H2 chỉ nợ bà Q 390.000.000 đồng tiền mặt, 03 tấn cà phê nhân xô và 25 cây 02 chỉ vàng 99,99%; 03 cây vàng SJC nhưng bà H2 đã trả được cho bà Q số tiền 1.220.000.000 đồng và 87 chỉ vàng 99,99%. Như vậy, bà H2 đã trả dư 830.000.000 đồng, tương đương với số nợ 03 tấn cà phê nhân xô và 195 chỉ vàng. Nay bà H2 không còn nợ bà Q số tài sản nào. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn, đại diện ủy quyền của bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là đúng sự thật. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của phía bị đơn là có cơ sở. Theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2.4] Về số tiền 300.000.000 đồng ngày 19/6/2009 theo chứng từ vay do nguyên đơn bà Q cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Qua xem xét các tài liệu vay mượn giữa hai bên thì thấy rằng mặc dù chứng từ vay số tiền 300.000.000 đồng, bà H2 đã viết “Chi H2 vay Q 300.000.000 đồng” nhưng không ký tên “H2” mặc dù không giống với các chứng từ vay mượn trước đây giữa hai bên. Tuy nhiên các bên đều xác nhận chứng từ vay tài sản đều do bà Q lưu giữ, bà H2 viết chứng từ xong, không lấy tiền, lại không yêu cầu xé bỏ giấy vay mượn này. Mặc khác theo tài liệu chứng cứ do bà Q cung cấp thì chứng từ vay ngày 16/9/2009 hoàn toàn không bị gạch xóa. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh bà H2 chưa nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà Q. Ngoài ra người làm chứng Bà Lê Thị H1 xác nhận có nhờ bà H2 vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng sau đó lãi suất cao nên không vay, còn việc bà H2 có vay số tiền 300.000.000 đồng hay không thì bà Hoa không được biết.

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về số tiền vay 300.000.000 đồng đã giao cho bà H2 ngày 19/6/2009 là có cơ sở.

[2.5] Về khoản vay “H2 mượn 3 tấn cà phê nhân xô” không đề ngày tháng vay cụ thể. HĐXX nhận thấy:

Về chứng từ: Chứng từ không ghi cụ thể ngày tháng vay tuy nhiên chứng từ vay này được viết trong sổ nợ, ở trang tiếp theo của khoản vay ngày 01/01/2009, nên khoản vay

này phải xảy ra sau khoản vay ngày 01/01/2009, điều này phù hợp với lời trình bày của bà Q.

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Mặc dù bị đơn vay cả phê nhưng nhận tiền mặt chứ không nhận cả phê và số cả phê này là chuyển nợ của năm 2008. Tuy nhiên phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là đúng và trong chứng từ vay thể hiện “H2 mượn 3 tấn cả phê nhân xô”, hoàn toàn không thể hiện việc sang sổ nợ.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 3 tấn nhân xô không đề ngày của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.6] Đối với số tiền 380.000.000 đồng mà bà H2 giao cho anh H để giao cho bà Q, HĐXX nhận thấy: Anh H thừa nhận có nhận của bà H2 300.000.000 đồng, có giao cho bà Q nhưng bà Q không thừa nhận, anh H cũng không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh anh H đã giao 300.000.000 đồng cho bà Q. Do đó ý kiến trình bày của anh H và việc bà H2 đã trả cho bà Q số tiền 380.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.7] Đối với số tiền lãi 59.086.000 đồng.

Đại diện bị đơn cho rằng năm 2009 đã trả tiền lãi của khoản vay năm 2008 cho nguyên đơn là 4 %, tương đương số tiền 59.086.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý việc bị đơn đã trả tiền lãi cho nguyên đơn và bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bị đơn đã trả số tiền 59.086.000 đồng cho nguyên đơn, do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc đã trả tiền lãi cho nguyên đơn đối với khoản vay của năm 2008.

Mặt khác tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với tất cả các khoản vay nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[3] Đối với số tiền 840.000.000 đồng và 87 chỉ vàng 99,99 % mà bà H2 đã trả cho bà Q và số nợ vay năm 2010. HĐXX nhận thấy: Do bà Q đã có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, xác nhận bà H2 đã trả cho bà Q số tiền 840.000.000 đồng và 87 chỉ vàng 99,99%. Do đó không yêu cầu giải quyết đối với số tài sản này và số nợ năm 2010, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng: Tài sản của ông T4, bà H2 hiện nay đang bị kê biên áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đưa ông Nguyễn Văn Đ là người đang quản lý sử dụng tài sản của ông T4 và bà H2 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2016/QQĐBP KCTT ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành “Cấm bà Lê Thị Minh H2, ông Hoàng Mạnh T4 và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện về việc chuyển nhượng quyền đối với tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 115882 cấp ngày 22/12/2016 mang tên ông Hoàng Mạnh T4 và bà Lê Thị Minh H2, thửa số 57, tờ bản đồ số 72, địa chỉ thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk”

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, (giá vàng 99,99% tại thời điểm xét xử là 3.600.000 đồng/chỉ; giá vàng SJC tại thời điểm xét xử là 3.720.000 đồng/chỉ; giá cà phê tại thời điểm xét xử là 33.000 đồng/kg).

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H2 không được chấp nhận nên bà H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày: 26/02/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q.

Buộc bà Lê Thị Minh H2 (Lê Thị H2) phải trả cho bà Hoàng Thị Q số tiền 240.000.000 đồng; 06 tấn cà phê nhân xô; 28 cây 07 chỉ vàng (trong đó: 03 cây vàng SJC; 25 cây 7 chỉ vàng 99,99%).

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Đình chỉ phần phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q đối với số tiền 840.000.000 đồng và 87 chỉ vàng 99,99%.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Minh H2 phải nộp 56.244.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Hoàng Thị Q số tiền 28.585.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0002783 ngày 09/8/2018.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Minh H2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số: AA/2017/00010547 ngày 6/3/2019.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Tùng